TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2020
Về việc: "Yêu cầu ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Danh Phích

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc **"**Yêu cầu ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Từ Thị Ngọc C**, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh TV.

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Tân, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Từ Thị Ngọc C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, nhưng đến năm 2018 hai bên mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống

vợ chồng chị sinh được 01 người con chung tên Hà Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 11/10/2018.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị C cho rằng sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, anh T thường xuyên bài bạc, đá gà, rượu chè, sau đó về đánh đập vợ và không tôn trọng gia đình bên vợ, làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng không thể giải quyết được. Từ đó dẫn đến việc hai vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 5/ 2018 cho đến nay.

Do cuộc sống gia đình không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Hà Văn T:* Mặc dù anh T có biết và nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn xin ly hôn của chị C nên không có lời khai của anh T tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Từ Thị Ngọc C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị Ngọc C và anh Hà văn T kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2018 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Từ Thị Ngọc C xác định không còn tình cảm gì với anh T, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh T nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị C và anh T hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau suốt một thời gian dài

từ tháng 5/2018 cho đến nay. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không đến tham dự, chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí muốn hòa giải với chị C nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị C.

3. Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung tên Hà Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 11/10/2018. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, cháu Hà Ngọc Bảo Châu hiện nay còn quá nhỏ rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Châu do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn về môi trường sống và xét về quyền lợi mọi mặt của cháu, HĐXX nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị C; tiếp tục giao cho chị C nuôi dưỡng con tên Hà Ngọc Bảo Châu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không có yêu cầu về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Từ Thị Ngọc C.

5. Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Từ Thị Ngọc C được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Từ Thị Ngọc C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hà Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 11/10/2018 đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Từ Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0009390 ngày 24 tháng 02 năm 2020. Chị C không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Hà văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Song Lộc;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc